

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HC-PT

Ngày 08 - 4 - 2022

V/v khởi kiện hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 280/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2021 về “*Khởi kiện hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2457/QĐ-PT ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1956 và bà Trần Thị A1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Tổ 46, cụm 8 phường B1, quận B, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn A2, sinh năm 1985;

Trú tại: Đội 6, thôn B4, xã B3, huyện B2, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Nguyễn Văn A3, sinh năm 1980;

Trú tại: Số 59/182, đường B6, phường B5, quận B, thành phố Hải Phòng.

3. Ông Lê Đức A4, sinh năm 1981;

Trú tại: Số 98/51, B8, phường B8, quận B7, thành phố Hải Phòng.

(Theo văn bản ủy quyền được công chứng số 18, quyền số 01/SCT/CK ngày 16/01/2018), tất cả đều vắng mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) quận B, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thanh S, chức vụ: Chủ tịch UBND quận B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình A5, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 46, cụm 8, phường B1, quận B, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1 là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất 80m², thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 01, tại khu 8, phường B1, quận B, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc diện tích đất do vợ chồng ông Trần Đức C và bà Nguyễn Thị C1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C2, được UBND phường B1, quận B xác nhận ngày 10/10/1995. Bà Nguyễn Thị C2 chuyển nhượng lại cho ông Trần Đức C3 được UBND phường B1, quận B xác nhận ngày 25/4/1996. Ngày 24/6/2000, UBND phường B1, quận B đã cấp trích đo mặt bằng sử dụng đất cho ông Trần Đức C3 diện tích 180m²; ông C3 chuyển nhượng 80m² cho ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1, thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 01.

Quá trình khởi kiện vụ án hành chính đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý số 02/2017/TLST-HC ngày 12/01/2017, ông A bà A1 mới biết diện tích đất này đã được thu hồi để thực hiện dự án ngã 5 sân bay Cát Bi. Ngày 27/9/2017, người đại diện cho người khởi kiện đã thực hiện việc khiếu nại đến UBND quận B với nội dung UBND quận B thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù đất đối với diện tích 80m² nêu trên không đúng đối tượng, không đúng thực trạng nguồn gốc sử dụng đất. Yêu cầu Chủ tịch UBND quận B giải quyết đúng quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông A, bà A1.

Ngày 30/10/2017, UBND quận B có thông báo số 1073/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại với lý do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND quận B. Ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

- Tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi đất của ông A bà A1 nhưng không bồi thường về đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật.

- Buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông A, bà A1 theo giá đất ở đô thị.

* *Người bị kiện là UBND quận B, thành phố Hải Phòng trình bày:*

Ngày 30/10/2017, UBND quận B ban hành thông báo số 1073/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, trong đó có nội dung: Ông Nguyễn Văn A3 (là người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1) khiếu nại về việc UBND quận B thực hiện trình tự thủ tục thu hồi, đền bù đất của gia đình ông A, bà A1 không đúng đối tượng, không đúng thực trạng nguồn gốc sử dụng đất.

Việc bồi thường, hỗ trợ, đền bù đất thực hiện theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 02/7/2004 của UBND thành phố Hải Phòng về việc duyệt mức đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường B1, quận B để thực hiện dự án Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới ngã 5 - Sân bay Cát Bi (đợt 20).

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011, đơn khiếu nại đề ngày 17/9/2017 của ông Nguyễn Văn A3 (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1) không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận B.

Đối với nội dung yêu cầu buộc UBND quận B đền bù 80m² đất theo giá đất ở đô thị: Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 21/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới ngã 5 - Sân bay Cát Bi, ngày 12/6/2003, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng quận B đã tiến hành kiểm kê đối với diện tích đất trên đã được ông Nguyễn Đình A5 xác nhận và cam đoan số liệu kiểm kê trên. Ngày 15/01/2004, UBND phường B1 đã có bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất lô 3, 27 và lô 28a (đợt 2, các hộ bờ mương) cụm dân cư số 1, 2, 7, 8 phường B1; đất của hộ ông Nguyễn Đình A5 là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm 2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông C5 thuộc thửa số 72, tờ bản đồ số 01, lô 3, diện tích 147,5m².

Trên cơ sở kiểm kê và nguồn gốc sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Đình A5, liên sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng đã ban hành tờ trình số 1112/TT-LS, ngày 23/6/2004 về việc duyệt mức đền bù, thiệt hại đất đai và tài sản trên đất khi thu hồi đất phạm vi lô 3, lô 27, lô 28a phường B1 để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới ngã 5 - Sân bay Cát Bi đợt 20. UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB, ngày 02/7/2004 phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất để thực hiện dự án đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình A5. Tuy nhiên, hộ ông A5 không chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, ngày 16/01/2007 UBND quận B đã ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 51 hộ dân thuộc lô 3, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Đình A5.

Căn cứ bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất lô 3, 27, 28a cụm dân cư số 1, 2, 7, 8 phường B1 của UBND phường B1 lập ngày 15/01/2004 thì đất của hộ ông A5 là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm 2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông C5 thuộc thửa số 72, tờ số 01 lô 3, diện tích 147,5m². Phần diện tích đất trên theo bản đồ thu hồi đất lập năm 2003 thuộc

một phần thửa đất số 72, diện tích 836,6m². Năm 2003 ông Nguyễn Đình A5 (con trai ông A) đã đứng tên kê khai, kiểm kê ngày 12/6/2003.

Theo bản đồ giải thửa và sổ mục kê năm 1987 thuộc tờ bản đồ số 468, tờ bản đồ số 01 là đất nông nghiệp cá thể mang tên ông Trần Đức C4 diện tích là 1.304m²; theo bản đồ địa chính phường B1 lập năm 1999 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ ĐK7: Mục đích sử dụng: Trồng lúa, tên chủ sử dụng là UBND phường B1; ông Trần Đức C5 (là con trai ông Trần Đức C4) để lại cho cháu nội là Trần Đức C quản lý, sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-UBND, ngày 11/7/2001 của UBND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh mức giá đền bù đất nông nghiệp đối với diện tích đất tại quận Hồng Bàng, quận B7, quận Ngô Quyền và quận Kiến An.

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-UBND, ngày 26/4/2001 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt đơn giá vật kiến trúc khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu đô thị mới ngã 5 - Sân bay Cát Bi.

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-UB, ngày 22/02/2001 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định tạm thời về thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Ngày 23/6/2004 liên sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng đã ban hành tờ trình số 1112/TT-Ls: Tổng diện tích thu hồi là 25.795,30m², cụ thể:

- Diện tích đất nông nghiệp do HTX giao: 8.205,24m²;
- Diện tích đất nông nghiệp cá thể: 14.947,95m²;
- Diện tích đất lấn chiếm bờ mương: 2.642,11m².

Đất hộ gia đình ông A5 là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm 2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông C5 thuộc thửa số 72, tờ số 01 lô 3, diện tích 147,5m²; các hộ sử dụng đất có nguồn gốc không hợp lệ, hoặc canh tác trên đất đền bù theo đơn giá đất nông nghiệp là 30.000đ/m².

Đối chiếu quy định tại mục 2, ý g, khoản 2 Điều 5 Quyết định số 423/QĐ-UB ngày 22/02/2002 của UBND thành phố Hải Phòng thì đất ở do chuyển mục đích sử dụng trái phép từ đất canh tác (kể cả đất 5%) sau ngày 15/10/1993 bồi thường theo giá đất nông nghiệp.

Trên cơ sở tờ trình liên sở, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB, ngày 02/7/2004 phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường B1, quận B để thực hiện dự án, trong đó có hộ gia đình ông A5 được bồi thường, hỗ trợ cụ thể là:

- Diện tích đất thu hồi là 147,5m²;
- Đơn giá bồi thường là: 30.000đ/m²;
- Tổng số tiền được bồi thường đối với đất là: 4.425.000đ;

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc là: 34.582.774đ.

Như vậy, tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 39.007/774đ.

Hộ ông A5 không được giao đất ở do tại thời điểm đó ông A5 đang ở và đăng ký hộ khẩu tại vị trí khác.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất và chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Nguyễn Đình A5 đã được UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 02/7/2004 phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường B1, quận B.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không có căn cứ để chấp nhận, UBND quận B đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình A, bà Trần Thị A1 về việc hủy thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình A, bà Trần Thị A1 về việc tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi diện tích 80m² đất thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 01 tại khu 8 phường B1, quận B, thành phố Hải Phòng của ông A, bà A1 không bồi thường về đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật; buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông A, bà A1 theo đơn giá đất ở đô thị.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ, ông A, bà A1 được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0010662, ngày 05/3/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, ông A, bà A1 đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị số 09/KNPT-VC1-HC, kháng nghị một phần bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về phần nội dung liên quan đến án phí đối với ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, miễn án phí cho ông A, bà A1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1 đều sinh năm 1956; đến thời điểm xét xử sơ thẩm (30/11/2018) cả hai ông bà đều đã 62 tuổi; căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi Việt Nam năm 2009 thì ông A, bà A1 là người cao tuổi, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; khoản 2 Điều 19; Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì ông bà thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí hành chính. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa Bản án sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông A, bà A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hành vi hành chính của UBND quận B, thành phố Hải Phòng không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông A, bà A1; thu hồi diện tích đất 80m² của ông bà thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 01 tại khu 8, phường B1, quận B, thành phố Hải Phòng, nhưng không bồi thường về đất theo giá đất ở đô thị; buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông, bà theo giá đất ở đô thị. Đây là những vụ việc thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh; ngày 30/10/2017, UBND quận B ban hành thông báo số 1073/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại; ngày 16/01/2018, ông A, bà A1 làm đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người bị kiện vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đã chuyển đi khỏi nơi cư trú không rõ địa chỉ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 168 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, thấy: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện, ông Nguyễn Đình A và bà Trần Thị A1 đều sinh năm 1956; tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông bà đều đã 62 tuổi. Điều 2 Luật người cao tuổi Việt Nam quy định: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Theo đó, thì ông A, bà A1 là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuy nhiên, ngay từ sau khi nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, cho đến khi Tòa án xét xử vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Đình A không có đơn đề nghị được miễn án phí theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Mặc dù tại phiên kiểm tra giao nộp và công khai chứng cứ, cũng như phiên đối thoại ngày 07/8/2018, Thẩm phán chủ tọa đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho các đương sự, người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A3 và ông Lê Đức A4 có mặt đã được nghe giải thích, nhưng cũng không có yêu cầu đề nghị được miễn án phí và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình A, bà Trần Thị A1 không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Đình A, bà Trần Thị A1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC, ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đình A, bà Trần Thị A1 không kháng cáo, nhưng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị cho rằng có căn cứ miễn án phí cho ông A, bà A1 là không đúng quy định. Hơn nữa, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội lại viện dẫn khoản 6 Điều 39 Luật tố tụng hành chính là không chuẩn xác. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Bác Kháng nghị số 09/KNPT-VC1-HC ngày 26/12/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; giữ nguyên quyết định của Bản án

hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về phần án phí.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm